

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST

Ngày: 20/3/2025

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út
Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S;**

Trụ sở: Số B đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S: **bà Nguyễn Đức Thạch D;** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (gọi tắt là Công ty S1)**

Người đại diện theo pháp luật của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (gọi tắt là Công ty S1):** Ông Lê Ngọc T – Tổng Giám đốc (*Theo giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022*).

Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc T: Anh **Nguyễn Minh T1** – Nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (gọi tắt là Công ty S1) (Theo Giấy ủy quyền số 515/2024/UQ-TGD ngày 09/01/2024) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S2) có anh Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ngày 17/03/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S2) có ký với anh Nguyễn Đình C Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh C thì Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 8.000.000 đồng, số thẻ là 472074-4686, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng anh C không có thiện chí trả nợ. Do anh C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/10/2011 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ anh C cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng anh C cố tình không hợp tác.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình C trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30/12/2024 là 57.207.276 đồng (trong đó nợ gốc là 9.246.776 đồng, lãi quá hạn là: 47.960.500 đồng), và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 31/12/2024 cho đến khi anh C thanh toán xong số nợ vay theo quy định;

Yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 26/02/2025 người đại diện của Ngân hàng có Đơn xin xét xử vắng mặt và có B khai ý kiến trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/3/2025 là 58.002.476 đồng trong đó nợ gốc là 9.246.776 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.755.700 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 21/3/2025 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi anh C thanh toán xong số nợ vay theo quy định;

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc anh Nguyễn Đình C phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 58.002.476 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thẻ tín dụng ngày 17/3/2011 cho đến khi anh C thanh toán xong nợ.

Buộc anh Nguyễn Đình C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Đình C cư trú tại xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng

vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng ngày 17/3/2011 giữa anh C với Ngân hàng thương mại cổ phần S thể hiện Ngân hàng có cấp thẻ tín dụng cho anh C với hạn mức thẻ tín dụng số tiền là 8.000.000 đồng. Đối chiếu với các chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì anh C có số thẻ là 472074-4686. Quá trình sử dụng thẻ anh C đã sử dụng số tiền 7.597.065 đồng. Từ ngày 16/10/2011 anh C không thanh toán tiền nên căn cứ vào thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc 8.000.000 đồng sang nợ quá hạn.

Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất”*, vì vậy lãi suất giữa Ngân hàng và anh C thỏa thuận là phù hợp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Anh C đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy bị đơn anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh C thanh toán số tiền tính đến ngày 20/3/2025 nợ gốc là 9.246.776 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.755.700 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 58.002.476 đồng và tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 21/3/2025 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được Tòa án chấp nhận, nên anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.900.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1. Buộc anh Nguyễn Đình C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/3/2025 là 58.002.476 đồng (Năm mươi tám triệu, không trăm lẻ hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 9.246.776 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.755.700 đồng.

Ngoài ra anh Nguyễn Đình C phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 21/3/2025 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/3/2011 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Đình C phải nộp 2.900.000 đồng (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.340.473 đồng (Một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027205 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Ngô Thị Mai Ka